

TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TỚI QUỐC PHÒNG, AN NINH CỦA VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỒNG HƯNG*, TÔ BÁ MẠNH**

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ nguyenhung031081@gmail.com

**Học viện Khoa học Quân sự, ✉ baem2501@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/9/2024; ngày sửa chữa: 20/9/2024; ngày duyệt đăng: 25/9/2024

TÓM TẮT

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển với tốc độ nhanh chóng và nó gần như xóa bỏ ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học, đem lại sự kết hợp giữa hệ thống ảo và thực thể với các động lực chính là công nghệ in 3D, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, AI (trí tuệ nhân tạo),... Những thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 vừa là cơ hội vừa thách thức đối với các quốc gia trên thế giới, trong đó có các nước đang phát triển như Việt Nam, đặc biệt là những thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng hiện hữu. Về quốc phòng, an ninh, những thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 dẫn tới sự ra đời của một loạt công nghệ mới, hiện đại giúp tăng cường an ninh, đảm bảo quốc phòng. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, những tiến bộ công nghệ cũng làm gia tăng các tội phạm công nghệ cao, vũ khí sinh học, vũ khí tự động... tác động rất lớn đến vấn đề đảm bảo quốc phòng, an ninh của các quốc gia. Vì thế, việc nghiên cứu đánh giá những tác động từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tới quốc phòng, an ninh Việt Nam, từ đó xác định một số vấn đề đặt ra cho công tác đối ngoại quốc phòng góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh là yêu cầu cấp bách.

Từ khóa: đối ngoại quốc phòng, Cách mạng công nghiệp 4.0, quốc phòng an ninh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác đối ngoại quốc phòng là một mặt hoạt động quốc phòng nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc bằng biện pháp hòa bình. Trong những năm qua, công tác đối ngoại quốc phòng không ngừng được đẩy mạnh, có những bước phát triển đột phá cả về nhận thức và hành động; góp phần nâng cao vị thế của đất nước, góp phần xây dựng lòng tin chiến lược giữa các quốc gia, thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác trong khu vực và trên thế giới. Đối ngoại quốc phòng đã trở thành một

kênh quan trọng, góp phần củng cố, đảm bảo quốc phòng, an ninh của Việt Nam. Tuy nhiên, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển như vũ bão, ngoài những cơ hội giúp tăng cường đảm bảo quốc phòng, an ninh, thì nó cũng đặt Việt Nam trước những thách thức rất lớn. Vì thế, trong khuôn khổ bài báo, tác giả tập trung làm rõ những tác động tới quốc phòng, an ninh từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Trên cơ sở đó xác định một số vấn đề đặt ra đối với công tác đối ngoại quốc phòng góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh Việt Nam.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, bài báo sử dụng các phương pháp cụ thể: Phân tích và tổng hợp, hệ thống cấu trúc, phương pháp chuyên gia để làm rõ những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tới quốc phòng, an ninh Việt Nam. Trên cơ sở đó xác định một số vấn đề đặt ra đối với công tác đối ngoại quốc phòng góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh Việt Nam.

3. TÁC ĐỘNG CỦA CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 TỚI QUỐC PHÒNG, AN NINH

Hiện nay, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang diễn ra một cách nhanh chóng chưa từng có trong lịch sử từ năm 2011, đặc trưng của cuộc cách mạng này là: (1) Tập trung vào việc kết hợp các công nghệ kỹ thuật số mới, bao gồm cả cảm biến, phân tích dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối internet vạn vật. Đây là nền tảng thúc đẩy sự phát triển của máy móc tự động hóa và hệ thống sản xuất thông minh; (2) Quy mô và tốc độ phát triển vượt trội, tác động đến nhiều khía cạnh cuộc sống và kinh tế; (3) Tác động mạnh mẽ và toàn diện, không chỉ ảnh hưởng đến sản xuất và công nghiệp, mà còn thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và tương tác với nhau.

Thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 dẫn tới sự ra đời của một loạt công nghệ mới và tiên tiến giúp tăng cường an ninh, đảm bảo quốc phòng. Với điều kiện hệ thống điều hành nhà nước phải đủ linh hoạt để quản lý, hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp và công dân, từ đó công nghệ sẽ hỗ trợ đắc lực cho việc tăng cường quốc phòng, an ninh. Nhiều loại vũ khí được ra đời, tích hợp các công nghệ mới hình thành các tính năng của các loại trang thiết bị chiến đấu hiện đại. Các công nghệ đòn bẩy của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có thể giúp các nước, trong đó có Việt Nam chuyển đổi từ các hệ thống vũ khí tinh vi, đắt tiền sang các loại vũ khí cỡ nhỏ hơn, thông minh hơn và rẻ hơn, đặc biệt là các máy bay không người lái ngày càng hiện đại. Các công nghệ mô phỏng, thực tế ảo được vận

dụng trong công tác huấn luyện chiến đấu, giúp tiết kiệm được các nguồn lực về con người, chi phí, đồng thời nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng.

Ở chiều hướng ngược lại, những tiến bộ công nghệ thời đại cách mạng 4.0 mang lại nhiều thách thức đối với quốc phòng-an ninh. Trước hết, đó là việc tội phạm công nghệ cao, vũ khí sinh học, vũ khí tự động... ngày càng gia tăng. Đối với Việt Nam, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm cho khoa học và công nghệ phát triển quá nhanh, trong khi cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng kịp yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng an ninh trong tình hình mới. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách quản lý vấn đề này thiếu đồng bộ, nhất là việc kiểm soát, xử lý các thông tin trên mạng. Các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, bóp méo, hạ thấp vai trò của quân đội, chia rẽ mỗi đoàn kết giữa quân đội với Đảng và Nhân dân... Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của quân đội, an ninh của quốc gia: nhiều đối tượng cực đoan, phản động, cơ hội chính trị sử dụng các nền tảng mạng xã hội chống phá cách mạng gây mất ổn định chính trị, xã hội.

Theo thống kê, trung bình mỗi tháng có hàng chục nghìn bài viết, video trên internet, mạng xã hội có nội dung liên quan đến Việt Nam, trong đó tỷ lệ các bài viết có nội dung xuyên tạc, chống phá cách mạng Việt Nam là không nhỏ (có khoảng 67% bài viết được phát tán trên mạng xã hội Facebook, số còn lại phát tán trên các mạng xã hội Youtube, Blog cá nhân hoặc các kênh tin tức phản động) (Bùi Thanh Sơn, 2023).

Theo báo cáo tổng kết của Công ty cổ phần công nghệ an ninh mạng quốc gia Việt Nam, năm 2023 xảy ra 13.900 vụ tấn công an ninh mạng vào các hệ thống tại Việt Nam. Trong đó có 554 website của các cơ quan, tổ chức chính phủ và giáo dục có tên miền .gov.vn, .edu.vn bị xâm nhập, chèn các mã quảng cáo không đúng quy định. Đối với các thiết bị như máy tính, máy chủ, có tới hơn 83.000 thiết bị nhiễm mã độc mã hóa dữ liệu tổng tiền tấn công. Các hình thức tấn công mã độc chủ

yếu gồm tấn công dò mật khẩu yếu, khai thác lỗ hổng, phát tán mã độc thông qua các phần mềm trên không gian mạng, và các ổ đĩa USB. Cũng theo báo cáo tổng hợp tháng 6 năm 2024 của trung tâm này, tháng 5/2024 đã ghi nhận 124.775 địa chỉ website giả mạo cơ quan, tổ chức; 89.351 điểm yếu, lỗ hổng an toàn thông tin tại các máy chủ, máy trạm, hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức nhà nước, đặc biệt có nhiều lỗ hổng mới và mang tính chất nghiêm trọng, mức độ nguy hiểm cao (NSC, 2024).

Các quốc gia ngày càng dựa vào các hệ thống công nghệ số kết nối với nhau sẽ tạo ra sự tùy thuộc lẫn nhau mới. Các hệ thống lớn hơn và kết nối nhiều hơn sẽ làm tăng nguy cơ dễ bị tấn công có thể phát triển với quy mô, tốc độ lớn và gây thiệt hại trên toàn bộ hệ thống. Thực tế hiện nay ở Việt Nam, hầu hết linh kiện điện tử, thiết bị công nghệ thông tin, đặc biệt là thiết bị thông minh giá rẻ đều có nguồn gốc từ nước ngoài, chứa nhiều lỗ hổng bảo mật hoặc cài sẵn các tài khoản truy cập “cửa hậu” (*backdoor*), khiến Việt Nam luôn nằm trong danh sách các quốc gia bị ảnh hưởng bởi các “mạng máy tính ma” (*botnet*) lớn nhất thế giới. Qua khảo sát cho thấy, các trạm thu phát sóng của tập đoàn Hoa Vĩ, tập đoàn Thiết bị điện tử Trung Hưng (ZTE) phủ sóng 80% diện tích các khu vực đồng bằng, thành phố, thị xã trong cả nước; lưu lượng viễn thông đi quốc tế của Việt Nam qua 02 tuyến cáp biên SMW3, AAG chiếm 80% lưu lượng thông tin đi quốc tế đều qua đường Hồng Kông, Trung Quốc, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa an ninh thông tin (DCS, 2020).

Bên cạnh đó là nguy cơ mất chủ quyền nội dung số, tài nguyên thông tin quốc gia về các công ty công nghệ nước ngoài. Nội dung số trải rộng trên các lĩnh vực, từ băng tần viễn thông số đến truyền thông số, tư liệu và thư viện số, nền kinh tế tri thức, kinh tế số (thương mại điện tử, dịch vụ giải trí,...).

Hiện nay, Việt Nam chưa tự chủ hoàn toàn về công nghệ, nhiều công ty cung cấp dịch vụ người dùng hoặc vận hành công nghệ cho Việt Nam đều do phía nước ngoài nắm giữ cổ phần chi phối,

tiềm ẩn những nguy cơ gây mất chủ quyền an ninh thông tin của Việt Nam. Mặt khác, việc ứng dụng các sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động an ninh ở góc độ nào đó có thể tạo ra hệ lụy nguy hiểm. Các nước, nhất là nước lớn, có thể sử dụng thành tựu khoa học công nghệ quân sự vào mục đích không chính nghĩa, sử dụng “sức mạnh mềm”, can dự, chi phối về chính trị, chính sách đối nội, đối ngoại của các nước khác, trong đó có Việt Nam; thực hiện “điều khiển” từ xa, từ bên ngoài, buộc các nước đang phát triển, chậm phát triển phải phụ thuộc, mất độc lập, tự chủ, khó nhận thấy hoặc nhận thấy nhưng khó cưỡng lại. Nhu cầu đầu tư vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự công nghệ cao có thể dẫn đến cuộc chạy đua vũ trang rất tốn kém và càng phải phụ thuộc vào nguồn cung cấp từ các nước phát triển. Trong khi đó, thế giới chưa có cơ chế để quản lý, giám sát việc ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ quân sự mới để hạn chế tác động từ mặt trái của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Bối cảnh quốc tế, cục diện thế giới và khu vực hiện nay rất khác so với các giai đoạn trong quá khứ. Nếu như trước đây chúng ta chứng kiến sự nổi lên của chủ nghĩa thực dân (cả cũ và mới), chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa khủng bố... thì thế giới ngày nay đang chứng kiến một quá trình chuyển dịch quyền lực to lớn trên quy mô toàn cầu, trong đó châu Á - Thái Bình Dương đang nổi lên thành trung tâm quyền lực mới của thế giới. Quá trình toàn cầu hóa và sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra với tốc độ nhanh chưa từng có. Các dòng vốn, thương mại toàn cầu... đang tập trung với quy mô ngày càng lớn vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhưng khu vực này cũng ẩn chứa nhiều rủi ro như các điểm nóng từ trước đây: bán đảo Triều Tiên, biển Hoa Đông, Biển Đông và hiện nay là xung đột Nga-Ucraina, nội chiến ở Myanmar, bạo loạn ở Bangladesh và nguy cơ khủng bố, cướp biển, tội phạm xuyên quốc gia, chạy đua vũ trang diễn ra ở nhiều nơi...

Các vấn đề toàn cầu đòi hỏi các quốc gia, khu vực phải cùng nhau hợp tác giải quyết. Sự trở dậy mạnh mẽ của Trung Quốc trên các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ có nguy cơ làm đảo lộn

trật tự thế giới đã từng tồn tại từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, chính sách cường quốc biển của Trung Quốc, chính sách tái cân bằng của Mỹ, sự điều chỉnh chính sách an ninh, quốc phòng mạnh mẽ của Nhật Bản, sự can dự tích cực của nhiều cường quốc khác vào khu vực đang đặt ra cả những cơ hội và thách thức to lớn cho Việt Nam. Nguy cơ ASEAN bị chia rẽ, mất vai trò trung tâm trong một cấu trúc khu vực đang định hình... ngày càng hiện hữu, đòi hỏi phải có những biện pháp, chính sách phù hợp. Nếu như trước kia, vấn đề ý thức hệ, giới tuyến phân chia quan hệ bạn - thù được phân biệt rạch ròi, thì hiện nay do quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, quan hệ đối tác - đối tượng đan xen lẫn nhau, trong đối tác có đối tượng, trong đối tượng có đối tác. Xử lý thỏa đáng hai mặt hợp tác và đấu tranh, đấu tranh nhưng không dẫn tới đổ vỡ quan hệ là những vấn đề không hề đơn giản...

Hiện nay, nhiệm vụ *đảm bảo* quốc phòng, an ninh *cũng* có những thay đổi, điều chỉnh khác so với những giai đoạn trước. Khi nói tới “an ninh quốc gia” trước kia người ta thường nghĩ tới yêu cầu bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và những mối đe dọa truyền thống từ bên ngoài là chính; các phương thức và công cụ sử dụng để bảo vệ an ninh thường là sức mạnh vật chất. Ngày nay khái niệm “an ninh quốc gia” ngày càng mở rộng, bao hàm cả tình hình an ninh trong nước, các mối đe dọa phi truyền thống như chủ nghĩa khủng bố, an ninh kinh tế và tài chính - tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh khí hậu, an ninh sức khỏe, tệ nạn buôn người, ma túy. Mục tiêu bảo vệ chủ quyền hiện nay không chỉ là toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế - xã hội và không để ảnh hưởng tới các mối quan hệ đối ngoại đa dạng khác mà Việt Nam đã dày công xây dựng được với rất nhiều bạn bè, đối tác ở khu vực và trên thế giới.

4. VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI QUỐC PHÒNG

Đảm bảo quốc phòng-an ninh cho đất nước trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp

4.0 có nhiều công cụ, trong đó đối ngoại quốc phòng là một trong những công cụ hữu ích nhất. Có thể khẳng định, trong thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, công tác đối ngoại quốc phòng đã được quan tâm, chú trọng từ xa xưa góp phần bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”. Bằng các hoạt động bang giao, các triều đại phong kiến Việt Nam đã giữ hòa khí với các nước láng giềng, bảo vệ hòa bình, tránh nạn binh đao; đồng thời, chăm lo xây dựng quân đội, củng cố, quốc phòng, an ninh, thực hiện kế sách “khoan thư sức dân”, xây dựng “thế trận lòng dân”, “lo giữ nước từ lúc nước chưa nguy”.

Trong tư tưởng về ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Ngoại giao là cuộc đấu tranh bằng biện pháp hòa bình để bảo vệ lợi ích dân tộc, là một lĩnh vực hoạt động rất quan trọng của sự nghiệp cách mạng. Trong ứng xử ngoại giao, cần nhuần nhuyễn phương châm “đĩ bất biến, ứng vạn biến” tức là lấy cái không thể thay đổi (bất biến) để ứng phó với muôn sự thay đổi (vạn biến). Cái “bất biến” là lợi ích của quốc gia, dân tộc, mà độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc,... là cốt lõi. Cái “vạn biến” là cách ứng phó tài tình, khéo léo, linh hoạt; kết hợp hài hòa giữa mềm dẻo và kiên quyết, giữa chiến lược và sách lược, giữa cương và nhu, giữa chủ động và sáng tạo trong những tình huống cụ thể, mà dù trong hoàn cảnh nào, khó khăn đến đâu cũng phải giữ vững nguyên tắc để đạt cho được cái “bất biến”. Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh đề cao lòng nhân ái, thái độ chân thành, biết thông cảm, chia sẻ đã xóa bỏ ranh giới và tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định: “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt” (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, 2021, trang 67). Mục tiêu nhất quán đảm bảo quốc phòng, an ninh được Đảng xác định là: “Kiên quyết, kiên

tri bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước” (Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trang 141). Đặc biệt, trước yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước, trước tác động của bối cảnh quốc tế, trong đó có sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, việc đề cao lợi ích quốc gia, dân tộc được đặt lên hàng đầu và trở thành phương châm hành động của Đảng và Chính phủ Việt Nam. Từ đó, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới cũng đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ rất cao, đòi hỏi phải tiếp tục vận dụng, phát huy truyền thống, đổi mới tư duy, hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi quan điểm, phương châm của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa bằng biện pháp hòa bình.

Những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Cục diện thế giới sẽ biến đổi nhanh, theo hướng đa cực, đa trung tâm, cạnh tranh giữa các nước lớn sẽ gay gắt hơn. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Đông Nam Á là khu vực trọng điểm cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; Biển Đông, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Yêu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc ngày càng cao. Tình hình trên đòi hỏi công tác đối ngoại quốc phòng thời gian tới cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, tích cực, chủ động, triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng

Triển khai đồng bộ đối ngoại quốc phòng song phương thông qua thực thi hiệu quả các văn kiện hợp tác đã ký kết, duy trì các hoạt động trao đổi đoàn cấp cao; thúc đẩy các cơ chế tham vấn, hợp tác quân chủng, binh chủng, đối thoại chiến lược quốc phòng, đào tạo, công nghiệp quốc phòng, kinh tế quốc phòng, an ninh mạng, tình báo, quân y, cứu hộ-cứu nạn, khắc phục hậu quả chiến tranh. Đưa quan hệ hợp tác quốc phòng với các đối tác quan trọng, nhất là các nước láng giềng đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, bình đẳng, cùng có lợi, tuân thủ

luật pháp quốc tế. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc phòng song phương với các nước trên cơ sở tin cậy chính trị, xác định đúng trọng tâm, trọng điểm, phong phú về nội dung và đa dạng hóa hình thức, phù hợp với quan hệ chính trị, kinh tế, ngoại giao; tập trung khai thác điểm tương đồng để xây dựng môi trường hòa bình, hợp tác cùng phát triển; khai thác tiềm năng, thế mạnh của đối tác, phù hợp với nhu cầu hợp tác phát triển của Việt Nam; kết hợp chặt chẽ hợp tác với đấu tranh bằng các hình thức; biện pháp phù hợp với từng đối tác, đối tượng trong từng trường hợp cụ thể.

Chủ động, tích cực tham gia có trách nhiệm vào các hoạt động đối ngoại quốc phòng đa phương, góp phần củng cố lòng tin chiến lược, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước và Quân đội nhân dân Việt Nam trên trường quốc tế. Đẩy mạnh tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc theo hướng mở rộng lĩnh vực, địa bàn, quy mô, hình thức, ưu tiên tham gia các hoạt động nhân đạo, phi tác chiến; tham gia các diễn đàn an ninh quốc tế lớn trong khu vực và trên thế giới đã được thiết lập; đăng cai tổ chức các sự kiện đối ngoại đa phương về quốc phòng và các cơ chế hợp tác khu vực, hợp tác quốc phòng quốc tế vì mục đích hòa bình; kịp thời tham mưu, đề xuất các phương án đấu tranh quốc phòng linh hoạt, hiệu quả, giảm căng thẳng, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, phụ thuộc.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng, góp phần xây dựng nền công nghiệp quốc phòng chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Tổ chức Triển lãm Quốc phòng quốc tế Việt Nam với hình thức và quy mô phù hợp.

Thứ hai, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nắm tình hình, nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược về đối ngoại quốc phòng phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc

Tăng cường nắm, nghiên cứu, đánh giá, dự báo tình hình theo phương châm “Tích cực, chủ động, chắc chắn, linh hoạt, hiệu quả”, kịp thời phát hiện các xu thế, động thái mới ở khu vực và thế giới,

cạnh tranh chiến lược, tập hợp lực lượng, can dự của các nước lớn, tình hình Biển Đông, biên giới và vùng biển Tây Nam, các địa bàn chiến lược trọng điểm để tham mưu với Đảng, Nhà nước chủ trương, chính sách và các biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong tình hình mới.

Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác tình báo, ưu tiên các nước có tiềm năng, tin cậy về chính trị, ít tính nhạy cảm. Tăng cường thu thập, phân tích thông tin tình báo phục vụ hoạch định chiến lược, sách lược đối ngoại quốc phòng.

Phát huy vai trò trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong và ngoài Quân đội, trong và ngoài nước, nhất là các cơ quan chuyên trách về đối ngoại quốc phòng và Tùy viên Quốc phòng Việt Nam ở nước ngoài; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện quốc phòng, quân sự, đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh an toàn chính trị nội bộ

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và thực hiện, tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật và bảo đảm an ninh, an toàn nhằm thống nhất về nhận thức, trách nhiệm, vị trí, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đối ngoại quốc phòng trong tổng thể công tác hội nhập quốc tế và đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Tiếp tục đổi mới công tác thông tin đối ngoại theo hướng chủ động, tích cực, sáng tạo, hiệu quả, đa dạng hóa hình thức, nâng cao chất lượng và phương thức, thông tin. Phát huy vai trò của các cơ quan Tùy viên Quốc phòng Việt Nam, báo chí và phương tiện truyền thông quốc tế, các chuyên gia, học giả trong các cơ quan, tổ chức quốc tế có uy tín để truyền tải thông tin, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thường xuyên làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật, bảo đảm an ninh, an toàn; phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ lộ lọt bí mật nhà

nước, bí mật quân sự; nguy cơ bị móc nối, lôi kéo, chuyển hóa. Nhận thức rõ, chủ động đấu tranh với quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng để tiến hành các hoạt động chống đối, phá hoại chính trị nội bộ Đảng, Nhà nước và Quân đội, chia rẽ mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa Việt Nam với các nước.

Thứ tư, tiếp tục xây dựng hoàn thiện thể chế và đầu tư nguồn lực cho đối ngoại quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đối ngoại quốc phòng phù hợp luật pháp, thông lệ quốc tế, các văn bản pháp luật đã được ký kết trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, quân sự, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với văn bản pháp luật đối ngoại quốc gia; đồng thời nghiên cứu hoàn chỉnh hệ thống các văn bản pháp luật đã ký kết trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, quân sự.

Kiện toàn tổ chức biên chế, chức năng, nhiệm vụ và nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu của các cơ quan đối ngoại quốc phòng theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đầu tư nguồn lực, ưu tiên xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại quốc phòng đủ số lượng, chất lượng cao, chuyên nghiệp, hiện đại, có kiến thức năng lực toàn diện, có tính kế thừa vững chắc, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, phẩm chất, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế quản lý, chỉ huy, điều hành, chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên và chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm công tác đối ngoại quốc phòng.

5. KẾT LUẬN

Công tác đối ngoại quốc phòng là sự tiếp nối chính sách đối nội của Đảng và Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trước những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống ở Việt Nam được

đặt ra một cách cấp bách. Đối phó với các mối đe dọa an ninh đó vừa là yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, vừa là điều kiện quan trọng để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị-xã hội. Thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi sự đồng thuận và nỗ lực của toàn xã hội, sự quyết tâm rất cao của Đảng, Nhà nước và Nhân dân với những giải pháp phù hợp và hiệu quả, trong đó có vai trò hết sức quan trọng của công tác đối ngoại quốc phòng. Trước yêu cầu của tình hình mới đòi hỏi công tác đối ngoại quốc phòng phải luôn chủ động, không để bị động, bất ngờ, chú trọng nâng cao hơn về chất lượng, hình thức, phương pháp... nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo:

Ban chấp hành Trung ương Đảng. (2023). *Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24 /11/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.*

Cục An ninh mạng (NSC). (2020). *Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW của ban bí thư, 03 năm thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng trong tình hình mới.*

Công ty cổ phần công nghệ an ninh mạng quốc gia Việt Nam. (2024). *Tổng kết An ninh mạng Việt Nam năm 2023 và dự báo 2024.* <<https://ncsgroup.vn/tong-ket-an-ninh-mang-viet-nam-nam-2023-va-du-bao-2024>>.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII.* Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Quân ủy Trung ương. (2013). *Nghị quyết số 806-NQ/QUTW về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng.*

Bùi Thanh Sơn. (2023). *Nhận diện và đấu tranh với các thủ đoạn chống phá trên không gian mạng.* <<https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/nhan-dien-va-dau-tranh-voi-cac-thu-doan-chong-pha-tren-khong-gian-mang-740796>>.

Nguyễn Xuân Thắng. (2017). *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư-Thời cơ và thách thức đối với Việt Nam.* Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị.

IMPACTS OF INDUSTRIAL REVOLUTION 4.0 ON VIETNAM’S NATIONAL DEFENCE AND SECURITY AND RECOMMENDATIONS FOR DEFENCE DIPLOMACY NOWADAYS

NGUYEN DONG HUNG, TO BA MANH

Abstract: Industrial Revolution 4.0 is progressing at a rapid rate that nearly erases the boundaries between physical, digital and biological domains. This convergence brings about a fusion of virtual and real-world systems, with key drivers including advances in 3D printing, biotechnology, new material technologies, automation, and artificial intelligence (AI),.... The achievements of this revolution present both opportunities and challenges for nations worldwide, particularly for developing countries like Vietnam, where non-traditional security threats are increasingly significant. In terms of national defence and security, the achievements of Industrial Revolutions 4.0 have led to the emergence of a range of modern technologies that enhance security and bolster defence capabilities. However, technological advancements have also contributed to the rise of cybercrime, biological weapons and autonomous weapons, posing significant challenges to national defence and security. Therefore, it is urgent to conduct research and assess the impacts of Industrial Revolution 4.0 on Vietnam’s defence and security, thereby making recommendations for defence diplomacy, contributing to ensuring national security.

Keywords: *defence diplomacy, The Industrial Revolution 4.0, national defence and security*

Received: 05/9/2024; Revised: 20/9/2024; Accepted: 25/9/2024